

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI HIỆP
ĐỊNH EVFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA
VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

THUỘC NHIỆM VỤ
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định EVFTA năm 2025”

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO.....	6
I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025.....	6
1. <i>Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU.....</i>	6
2. <i>Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu thép từ Việt Nam</i>	7
3. <i>Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU</i>	10
4. <i>Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu thép của Việt Nam</i>	12
5. <i>Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU</i>	13
II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA.....	15
1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU	15
2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam.....	17
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	17
1. Dự báo xu hướng.....	17
2. Một số khuyến nghị.....	19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025	6
Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025)	8
Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025	10
Bảng 4: Trị giá nhập khẩu các loại sắt thép (mã HS 72) vào EU trong 6 tháng đầu năm 2025.....	14
Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025 .Error! Bookmark not defined.	

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Xuất khẩu sắt thép từ Việt Nam sang thị trường EU từ tháng 1 đến tháng 8/2025.....	7
Biểu đồ 2: Cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU trong 8 tháng đầu năm 2025	11
Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Đức giai đoạn 8 tháng đầu năm 2020 - 2025	13

TÓM TẮT

Theo Hiệp hội Sắt Thép Trung Quốc (CISA), tính đến ngày 10/9/2025, lượng tồn kho thép của Trung Quốc đạt 9,2 triệu tấn, tăng 4,2% so với cuối tháng 8/2025 và cao hơn 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Điều này khiến thị trường sắt thép thế giới nói chung tiếp tục chịu áp lực và xuất khẩu sắt thép của Việt Nam nói riêng cũng bị ảnh hưởng.

Theo số liệu của hải quan Việt Nam, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam tháng 8/2025 đạt 0,65 triệu tấn với trị giá 432,3 triệu USD, giảm 17,5% về lượng và giảm 20,9% về trị giá so với tháng 7/2025; giảm tới 52,3% về lượng và giảm 54,1% về trị giá so với cùng tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng đầu năm nay, lượng sắt thép xuất khẩu chỉ đạt 7,08 triệu tấn với trị giá gần 4,7 tỷ USD, giảm 20,3% về lượng và 28% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu thép của Việt Nam sang EU tiếp tục giảm. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU trong tháng 8/2025 giảm 46,8% so với tháng 7/2025 và giảm 65,1% so với tháng 8/2024, đạt 85,1 triệu USD, khiến trị giá xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2025 giảm 38,2% (đạt 1,1 tỷ USD) so với 8 tháng đầu năm 2024. Xuất khẩu thép từ Việt Nam sang 4 thị trường lớn nhất thuộc khối EU gồm Italia, Bỉ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha tiếp tục giảm mạnh. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép sang Italia trong 8 tháng đầu năm nay giảm 26,41% (đạt 467,69 triệu USD), sang Bỉ giảm 40,9% (đạt 244,68 triệu USD), sang Tây Ban Nha giảm 52,56% (đạt 188,11 triệu USD), sang Bồ Đào Nha giảm 34,14% (đạt 66,22 triệu USD) ...

Điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu sắt thép tháng 8/2025 và 8 tháng đầu năm nay là trong khi xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang nhiều thị trường khối EU giảm thì vẫn có một số thị trường có dấu hiệu tăng như Đức, Hungary, Rumani. Điển hình là Đức, nếu tính từ khi hiệp định EVFTA có hiệu lực có thể thấy xuất khẩu sắt thép sang Đức – cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khối EU của sắt thép Việt Nam – kỳ 8 tháng đầu năm 2025 tăng gấp 26,8 lần về lượng và 9,3 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2020 – thời điểm trước khi EVFTA có hiệu lực; tăng gấp 20,3 lần về lượng và gần 5,6 lần về trị giá so với nửa đầu năm 2021 - giai đoạn EVFTA bắt đầu có hiệu lực; tăng gấp 16 lần về lượng và 5,5 lần về trị giá so với kỳ 8 tháng đầu năm ngoái. Điều này cho thấy hiệu quả tích cực của hiệp định đem lại trong bối cảnh ảm đạm chung của thị trường sắt thép thế giới.

Về cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU, xuất khẩu hầu hết các nhóm hàng sắt thép tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong số các nhóm hàng có trị giá xuất khẩu trên 100 triệu USD trong 8 tháng đầu năm nay,

kim ngạch xuất khẩu nhóm thép mạ kẽm - nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU - giảm 48,12% so với cùng kỳ năm trước, đạt 322,26 triệu USD trong 8 tháng đầu năm 2025. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng thép cuộn giảm đến 73,56% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 135,85 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu nhóm thép mạ màu cũng giảm 14,03%, đạt 117,14 triệu USD. Và kim ngạch xuất khẩu nhóm thép mạ kim nhôm kẽm giảm 19,94%, đạt 105,6 triệu USD.

Tuy nhiên, vẫn có một số nhóm hàng có xu hướng tăng trong bối cảnh xuất khẩu phần lớn các chủng loại sắt thép giảm như thép tấm và thép cây. Kể từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025, xuất khẩu các loại thép tấm luôn có xu hướng tăng. Trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 8/2025 tuy giảm 11,42% so với cùng tháng 8/2024, nhưng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng sang EU 8 tháng đầu năm 2025 vẫn tăng 43,94% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 205,24 triệu USD, chiếm 18,62% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU.

Nhìn chung, những ưu đãi và thuận lợi từ EVFTA đem lại chưa đủ để giúp xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường EU tăng trưởng bền vững do rủi ro bảo hộ, chi phí carbon (CBAM), yêu cầu kỹ thuật cao và cạnh tranh nguồn cung toàn cầu.

Nguồn cung sắt thép từ Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ (và nội khối EU) vẫn cạnh tranh quyết liệt về giá và khối lượng. Hiệp định EVFTA chỉ giúp ưu đãi phần thuế, không đủ để vượt được cạnh tranh nếu chất lượng sản phẩm thấp hay chi phí logistics cao. Nếu tổng chi phí (vận tải + CBAM + kiểm định) cao thì lợi thế về thuế có thể cũng không bù đắp được.

NỘI DUNG BÁO CÁO

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU

Theo số liệu của hải quan Việt Nam, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam tháng 8/2025 đạt 0,65 triệu tấn với trị giá 432,3 triệu USD, giảm 17,5% về lượng và giảm 20,9% về trị giá so với tháng 7/2025; giảm tới 52,3% về lượng và giảm 54,1% về trị giá so với cùng tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng đầu năm nay, lượng sắt thép xuất khẩu chỉ đạt 7,08 triệu tấn với trị giá gần 4,7 tỷ USD, giảm 20,3% về lượng và 28% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025

	Tháng 8/2025		T8/2025 so với T7/2025 (%)		T8/2025 so với T8/2024 (%)		8 tháng năm 2025		8T/2025 so với 8T/2024 (%)	
	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá
Tổng KNKK mặt hàng của VN	654,0	432,3	-17,5	-20,9	-52,3	-54,1	7.085,4	4.664,7	-20,3	-28,0
KNKK mặt hàng sang các EU		85,1		-46,8		-65,1		1.102,1		38,2
Tỷ trọng KNKK sắt thép sang EU trên tổng KNKK mặt hàng (%)		19,7						23,6		

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

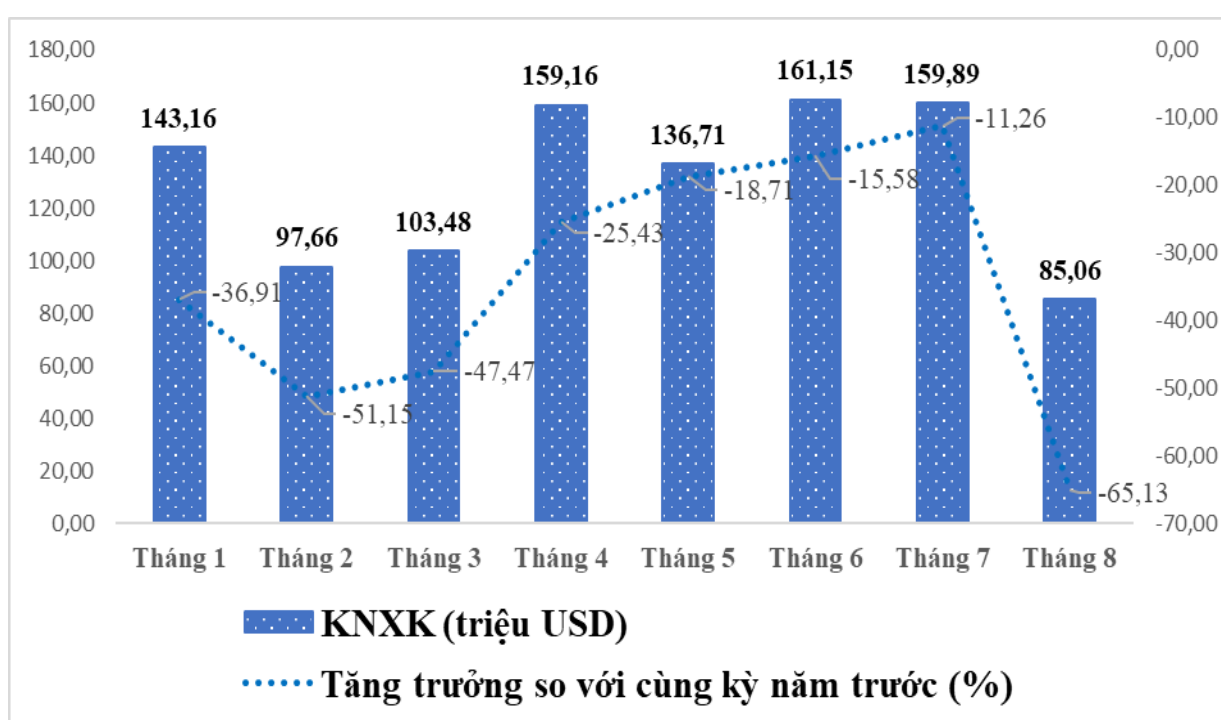
Tại châu Âu, giá thép tiếp tục xu hướng giảm trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8/2025 đến 25/9/2025. Giá thép phế liệu E3 tại Italia giảm 6,3% xuống 295 EUR/tấn, còn tại Đức giảm 2,6% xuống 280 EUR/tấn (xuất xưởng). Sau kỳ nghỉ hè, nhiều nhà máy trở lại hoạt động với lượng tồn kho cao, làm giảm nhu cầu mua mới. Dư cung từ Pháp và Đức, cộng với nhu cầu yếu đối với thép dài và phôi, tiếp tục gây áp lực trong khi việc Thở Nhĩ Kỳ giảm nhập khẩu càng làm nguồn cung trong khu vực dư thừa. Tồn kho thép thành phẩm ở Tây Ban Nha

và Pháp ở mức cao, còn tại Đức, một số nhà máy phải cắt giảm sản lượng do đơn hàng thấp.

Do đó, xuất khẩu thép của Việt Nam sang EU tiếp tục giảm. Theo số liệu hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU trong tháng 8/2025 giảm 46,8% so với tháng 7/2025 và giảm 65,1% so với tháng 8/2024, đạt 85,1 triệu USD, khiến trị giá xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2025 giảm 38,2% (đạt 1,1 tỷ USD) so với 8 tháng đầu năm 2024.

Nhìn chung, mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhẹ từ tháng 4/2025 nhưng đến tháng 8/2025 thì xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường EU lại giảm mạnh so với những tháng trong quý 2/2025. So với cùng kỳ năm trước, trị giá xuất khẩu sắt thép sang EU từ tháng 01/2025 đến tháng 8/2025 đều giảm.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu sắt thép từ Việt Nam sang thị trường EU từ tháng 1 đến tháng 8/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

2. Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu thép từ Việt Nam

Xuất khẩu thép từ Việt Nam sang 4 thị trường lớn nhất thuộc khối EU gồm Italia, Bỉ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha tiếp tục giảm mạnh. Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam cho thấy:

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Italia trong 8 tháng đầu năm 2025 tuy chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu mặt hàng khối các

quốc gia EU là 42,44%, đạt 467,69 triệu USD nhưng giảm 26,41% so với 8 tháng đầu năm ngoái.

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Bỉ - thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam trong các nước EU – trong tháng 8/2025 giảm 61,21% so với tháng 7/2025 và giảm 67,23% so với tháng 8/2024, đạt 14,82 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng 8 tháng đầu năm 2025 lên 244,68 triệu USD, nhưng vẫn giảm 40,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Tây Ban Nha trong tháng 8/2025 giảm tới 89,93%% so với tháng 7/2025 và giảm 94,18% so với tháng 8/2024 (đạt 4,08 triệu USD) và trong 8 tháng đầu năm nay cũng giảm 52,56% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 188,11 triệu USD, chiếm 17,07% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường EU.

- Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang Bồ Đào Nha tháng 8/2025 đạt 0,47 triệu USD, giảm đến 97,17% so với tháng 7/2025 và giảm đến 94,09% so với tháng 8/2024. Tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Bồ Đào Nha 8 tháng đầu năm 2025 giảm 34,14% so với 8 tháng đầu năm 2024, đạt 66,22 triệu USD.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025)

Thị trường	Tháng 8/2025			8 tháng đầu năm 2025		
	KNXK (triệu USD)	T8/2025 so T7/2025 (%)	T8/2025 so T8/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	8T/2025 so 8T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Tổng KNXK mặt hàng sang EU	85,06	-46,80	-65,13	1.102,07	-38,23	100,00
Italia	54,99	0,23	-3,53	467,69	-26,41	42,44
Bỉ	14,82	-61,21	-67,23	244,68	-40,90	22,20
Tây Ban Nha	4,08	-89,93	-94,18	188,11	-52,56	17,07
Bồ Đào Nha	0,47	-97,17	-94,09	66,22	-34,14	6,01
Ba Lan	4,18	-20,97	-47,04	51,55	7,74	4,68
Đức	0,28	-26,30	-3,05	31,15	555,21	2,83
Pháp	0,49	226,83	-89,25	13,13	-28,82	1,19

Thị trường	Tháng 8/2025			8 tháng đầu năm 2025		
	KNXK (triệu USD)	T8/2025 so T7/2025 (%)	T8/2025 so T8/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	8T/2025 so 8T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Lithuania	0,02	-77,99		11,32	2.037,62	1,03
Hà Lan	2,09	51,48	-95,81	8,02	-94,05	0,73
Hy Lạp	0,68	18,59	12,78	4,39	-34,94	0,40
Thụy Điển				4,32	18,08	0,39
Látvia				2,90	-58,29	0,26
Bungari	2,00			2,20	-50,17	0,20
Slovenia	0,03	27,24	-7,44	1,97	-67,76	0,18
Hunggary	0,30	-6,87	88,15	1,49	166,15	0,13
Rumani	0,48	899,24		1,21	402,74	0,11
Phần Lan	0,04	-65,05	-12,20	0,77	23,76	0,07
CH Séc				0,37	-52,16	0,03
Síp	0,06		-21,48	0,25	-63,57	0,02
Đan Mạch	0,05		55,43	0,24	87,24	0,02
Ai Len				0,10	-53,10	0,01
Áo				0,02		0,002

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu sắt thép tháng 8/2025 và 8 tháng đầu năm nay là trong khi xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang nhiều thị trường khối EU giảm thì vẫn có một số thị trường có dấu hiệu tăng như Đức, Hungary, Rumani. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang là Đức tháng 8/2025 mặc dù giảm 3,05% so với cùng tháng 8/2024 nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang thị trường này 8 tháng đầu năm nay vẫn tăng gấp 5,5 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu sắt thép 8 tháng đầu năm 2025 sang Hungary và Rumani tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ lần lượt là 0,13% và 0,11% trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu sắt thép khối EU của Việt Nam nhưng xuất khẩu sang Hungary tăng gấp gần 1,7 lần và xuất khẩu sang Rumani tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ năm 2024.

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU

Xuất khẩu hầu hết các nhóm hàng sắt thép tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong số các nhóm hàng có trị giá xuất khẩu trên 100 triệu USD trong 8 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu nhóm thép mạ kẽm - nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU - giảm 48,12% so với cùng kỳ năm trước, đạt 322,26 triệu USD trong 8 tháng đầu năm 2025. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng thép cuộn giảm đến 73,56% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 135,85 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu nhóm thép mạ cũng giảm 14,03%, đạt 117,14 triệu USD. Và kim ngạch xuất khẩu nhóm thép mạ kim nhôm kẽm giảm 19,94%, đạt 105,6 triệu USD.

Ngoài ra, xuất khẩu một số nhóm hàng khác cũng giảm khá, như nhóm dây thép (giảm 10,3% so với cùng kỳ 8 tháng đầu năm trước), thép mạ thiếc giảm 44,2%...

Tuy nhiên, vẫn có một số nhóm hàng có xu hướng tăng trong bối cảnh xuất khẩu phần lớn các chủng loại sắt thép giảm như thép tấm và thép cây. Kể từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025, xuất khẩu các loại thép tấm luôn có xu hướng tăng. Trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 8/2025 tuy giảm 11,42% so với cùng tháng 8/2024, nhưng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng sang EU 8 tháng đầu năm 2025 vẫn tăng 43,94% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 205,24 triệu USD, chiếm 18,62% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU. Chủng hàng này được xuất nhiều nhất sang Italia với trị giá chiếm 39% tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang các nước EU và sang Bỉ với trị giá chiếm 35,3%.

Thứ hai là nhóm thép cây, tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ 0,09% trong cơ cấu các chủng hàng sắt thép xuất khẩu sang EU, nhưng trị giá xuất khẩu nhóm hàng 8 tháng đầu năm nay cũng tăng đến 63,54% so với cùng kỳ 8 tháng đầu năm ngoái, chủ yếu được xuất khẩu sang Bỉ (chiếm 70% tỷ trọng về trị giá trên tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang các thị trường khối EU) và sang Italia (chiếm 25%).

Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025

Chủng loại	Tháng 8/2025			8 tháng đầu năm 2025	
	KNXK (triệu USD)	T8/2025 so T7/2025 (%)	T8/2025 so T8/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	8T/2025 so 8T/2024 (%)

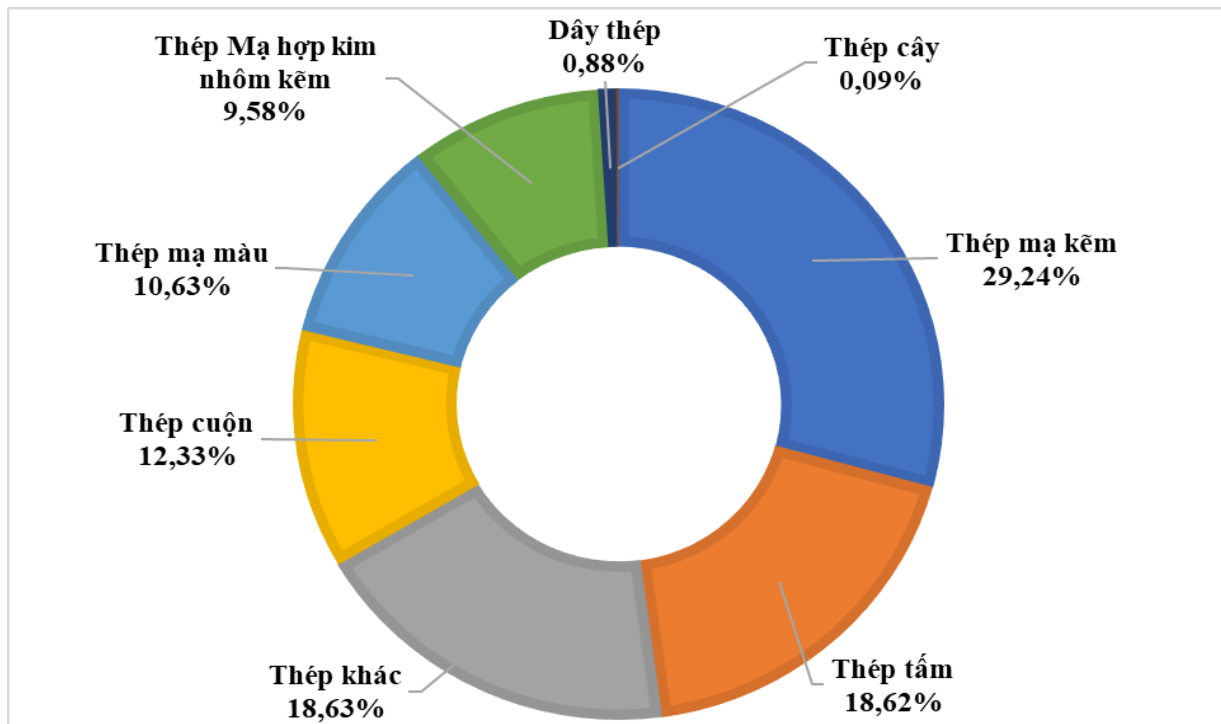
Chủng loại	Tháng 8/2025			8 tháng đầu năm 2025	
	KNXK (triệu USD)	T8/2025 so T7/2025 (%)	T8/2025 so T8/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	8T/2025 so 8T/2024 (%)
<i>Tổng KNXK mặt hàng sang EU</i>	85,06	-46,80	-65,13	1.102,07	-38,23
Thép mạ kẽm	3,12	-95,09	-96,23	322,26	-48,12
Thép tấm	25,68	-21,07	-11,42	205,24	43,94
Thép khác	20,23	-10,64	-27,34	204,86	-9,46
Thép cuộn	18,66	-23,18	-72,44	135,85	-73,56
Thép mạ màu	10,14	24,28	-48,34	117,14	-14,03
Thép Mạ hợp kim nhôm kẽm	5,98	-15,92	-61,61	105,60	-19,94
Dây thép	1,17	-12,69	-2,66	9,68	-10,30
Thép cây	0,07	-38,13	37,92	0,97	63,54
Thép mạ thiếc				0,46	-44,20
Thép thanh	0,01			0,01	1,69
Thép hình				0,01	

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Tỷ trọng về kim ngạch xuất khẩu trong cơ cấu các chủng hàng sắt thép xuất sang EU 8 tháng đầu năm 2025 có sự thay đổi rõ rệt. Tỷ trọng một số chủng hàng tăng mạnh như thép tấm tăng từ mức tỷ trọng 8% trong 8 tháng đầu năm 2024 lên mức 18,62% trong 8 tháng đầu năm 2025; thép mạ màu tăng từ mức 7,64% lên mức 10,63%; thép mạ hợp kim nhôm tăng từ mức 7,4% lên mức 9,58%; thép cây tăng từ mức 0,03% lên mức 0,09%...

Ngược lại, tỷ trọng một số chủng hàng thì giảm khá như thép mạ kẽm giảm từ mức 34,83% xuống mức 29,24%; thép cuộn giảm từ mức 28,81% xuống còn 12,33%.

**Biểu đồ 2: Cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU
trong 8 tháng đầu năm 2025**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

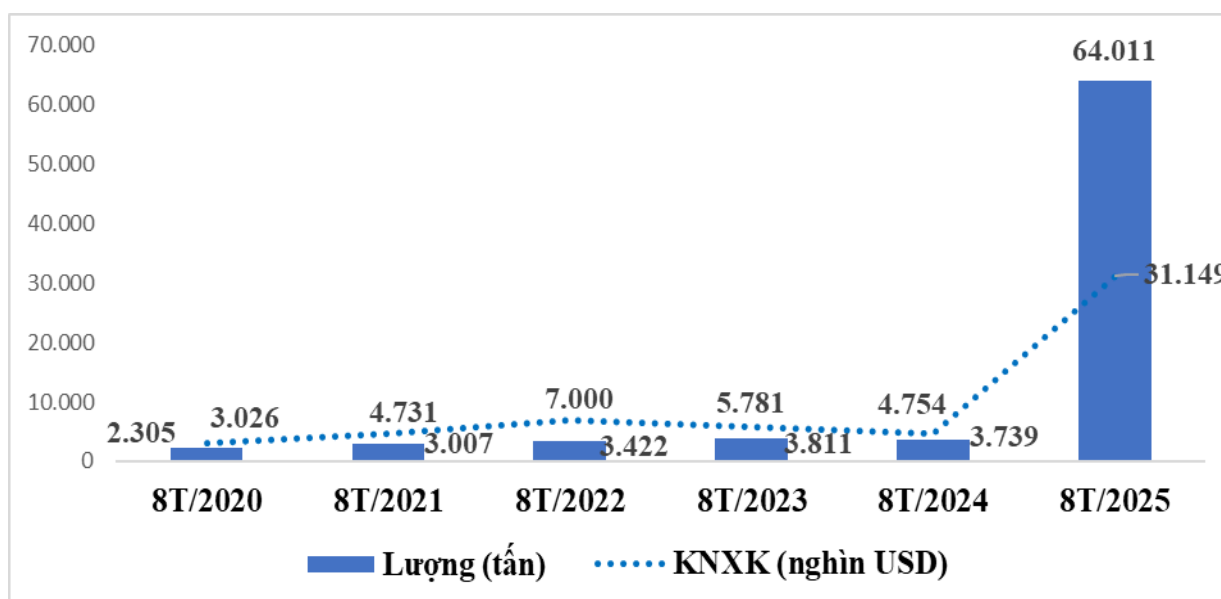
4. Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu thép của Việt Nam

Thực tế cho thấy hiệp định EVFTA tạo nhiều cơ hội cho xuất khẩu thép Việt Nam vào thị trường EU. EVFTA đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh marketing B2B tới các nhà nhập khẩu EU nói chung và các nhà nhập khẩu Đức nói riêng. Theo số liệu của hải quan Việt Nam, nếu tính từ khi hiệp định EVFTA có hiệu lực có thể thấy xuất khẩu sắt thép sang Đức – cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khối EU của sắt thép Việt Nam – kỳ 8 tháng đầu năm 2025 tăng gấp 26,8 lần về lượng và 9,3 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2020 – thời điểm trước khi EVFTA có hiệu lực; tăng gấp 20,3 lần về lượng và gần 5,6 lần về trị giá so với nửa đầu năm 2021 - giai đoạn EVFTA bắt đầu có hiệu lực; tăng gấp 16 lần về lượng và 5,5 lần về trị giá so với kỳ 8 tháng đầu năm ngoái. Điều này cho thấy hiệu quả tích cực của hiệp định đem lại trong bối cảnh ảm đạm chung của thị trường sắt thép thế giới.

Tuy nhiên, những ưu đãi và thuận lợi từ EVFTA đem lại chưa đủ để giúp xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường EU tăng trưởng bền vững do rủi ro bảo hộ, chi phí carbon (CBAM), yêu cầu kỹ thuật cao và cạnh tranh nguồn cung toàn cầu.

Các nhà nhập khẩu Đức đòi hỏi chứng nhận chất lượng, REACH (hoá chất), an toàn, minh bạch chuỗi cung ứng. Nếu doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng được thì đơn hàng khó bền vững.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Đức giai đoạn 8 tháng đầu năm 2020 - 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) của WTO, tổng kim ngạch nhập khẩu các loại sắt thép (mã HS 72) của EU trong tháng 6/2025 đạt 13,7 tỷ USD, tăng 0,48% so với tháng 5/2025 và tăng 0,11% so với tháng 6/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu sắt thép của EU đạt hơn 81,5 tỷ USD, trị giá nhập khẩu nhóm hàng từ Việt Nam chỉ chiếm 1,27% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu nói trên của EU.

Đức là quốc gia nhập khẩu nhiều sắt thép mã HS 72 nhất trong số các nước thuộc EU, nhưng chủ yếu nhập từ các thị trường nội khối như Bỉ, Ý, Áo, Pháp, Hà Lan, Thụy Điển, CH Séc... Việt Nam chỉ là nguồn cung lớn thứ 32 của Đức.

Italia là quốc gia nhập khẩu nhóm hàng này lớn thứ hai trong các nước EU, đạt gần 1,9 tỷ USD trong tháng 6/2025 và đạt xấp xỉ 11,9 tỷ trong 6 tháng đầu năm 2025, chiếm 14,59% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu các loại sắt thép mã HS 72 của EU. Các nguồn cung chính của Italia cũng là các quốc gia nội khối, nhưng Trung Quốc hiện đang là nguồn cung lớn thứ hai của Italia. Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 13 của Italia.

Xuất khẩu sắt thép của Việt Nam mặc dù có dấu hiệu tăng ở các thị trường như Rumani và Hungary nhưng cũng chưa phải là nguồn cung chính. Rumani là thị trường có trị giá nhập khẩu nhóm hàng HS 72 lớn thứ chín trong các nước EU, nhưng Việt Nam chỉ là nguồn cung (xếp theo giá trị nhập khẩu) đứng thứ 44

của Rumani, và tỷ trọng về trị giá nhập khẩu từ Việt Nam đối với thị trường Tây Ban Nha còn thấp hơn nhiều so với tỷ trọng của các đối thủ là Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Ucraina... chiếm giữ.

Bảng 4: Trị giá nhập khẩu các loại sắt thép (mã HS 72) vào EU trong 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025		
	KNNK (nghìn USD)	T6/2025 so T5/2025 (%)	T6/2025 so T6/2024 (%)	KNNK (nghìn USD)	6T/2025 so 6T/2024 (%)	Tỷ trọng trong NK của EU (%)
<i>KNNK của EU (27 nước)</i>	13.705.293	0,48	0,11	81.539.189	-5,00	100,00
Đức	2.449.318	0,61	-2,82	13.771.268	-8,34	16,89
Italia	1.866.884	2,50	0,06	11.897.168	1,18	14,59
Hà Lan	1.092.030	-1,77	-1,96	6.764.427	-3,26	8,30
Bỉ	1.211.123	20,57	10,24	6.702.618	-7,79	8,22
Pháp	1.101.809	2,31	-1,37	6.374.552	-9,35	7,82
Ba Lan	1.050.522	-5,64	2,40	6.175.937	-4,32	7,57
Tây Ban Nha	910.524	-8,96	-8,31	5.859.142	-9,83	7,19
CH Séc	693.831	1,12	10,03	3.959.600	0,62	4,86
Rumani	377.641	-7,42	15,43	2.426.218	10,60	2,98
Thụy Điển	387.418	-3,38	-4,29	2.362.454	-1,54	2,90
Áo	409.899	4,33	2,65	2.239.028	-2,80	2,75
Bồ Đào Nha	290.315	-15,44	13,63	1.930.202	0,90	2,37
Slovakia	268.365	2,71	2,97	1.482.334	-7,62	1,82
Hunggary	237.776	-1,75	-0,53	1.386.827	-6,98	1,70
Phần Lan	224.948	14,51	-9,14	1.269.637	-5,41	1,56
Slovenia	229.305	17,28	10,91	1.240.804	-5,26	1,52

Thị trường	Tháng 6/2025			6 tháng đầu năm 2025		
	KNNK (nghìn USD)	T6/2025 so T5/2025 (%)	T6/2025 so T6/2024 (%)	KNNK (nghìn USD)	6T/2025 so 6T/2024 (%)	Tỷ trọng trong NK của EU (%)
Đan Mạch	190.775	-9,36	0,38	1.175.829	-21,21	1,44
Hy Lạp	143.744	-1,21	-12,63	891.649	-10,62	1,09
Bungari	113.639	-25,66	-23,14	849.274	-1,25	1,04
Luxembua	106.884	23,50	6,00	530.365	-16,07	0,65
Lithuania	72.665	-10,83	-24,51	523.621	0,95	0,64
Croatia	72.419	-7,31	-12,92	476.871	-9,52	0,58
Ai Len	75.048	-2,76	6,66	444.024	-0,17	0,54
Estonia	58.116	3,31	6,61	358.615	8,31	0,44
Látvia	39.714	-3,40	-14,14	279.613	-18,53	0,34
Síp	21.577	17,30	-16,11	134.701	0,82	0,17
Manta	9.004	155,72	73,99	32.411	14,12	0,04

Nguồn: Số liệu từ Trademap (ITC)

II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA

1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU

a) Thị trường thế giới

70 quốc gia (chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới) tháng 8/2025 tăng 0,3% so với tháng 8/2024, đạt 145,3 triệu tấn. Trong đó, các quốc gia sản xuất thép hàng đầu là Trung Quốc giảm 0,7% (đạt 77,4 triệu tấn), Ấn Độ tăng 13,2 % (đạt 14,1 triệu tấn), Nhật Bản giảm 3,4 % (đạt 6,6 triệu tấn), Hoa Kỳ tăng 3,2 % (đạt 7,2 triệu tấn), Nga giảm 4,6 % (đạt 5,5 triệu tấn), Hàn Quốc giảm 6,1 % (đạt 5,2 triệu tấn), Thổ Nhĩ Kỳ tăng 7,9 % (đạt 3,4 triệu tấn), Đức giảm 10,5 % (đạt 2,6 triệu tấn), Brazil giảm 4,6 % (đạt 2,9 triệu tấn) ...

Tính chung 8 tháng đầu năm nay, sản lượng thép thô thế giới của 70 quốc gia đạt 1,2 tỷ tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025

Khu vực	Tháng 8/2025		8 tháng đầu năm 2025	
	T8/2025 (triệu tấn)	So T8/2024 (%)	8T/2025 (triệu tấn)	So 8T/2024 (%)
Châu Phi	1,8	-3,8	15,2	3
Châu Á và Châu Đại Dương	107,7	0,4	912,4	-1,5
Liên minh châu Âu (27)	8,8	-2,8	84,5	-3,7
Các thị trường khác ở Châu Âu	3,7	2,1	28,1	-4,9
Trung Đông	3,8	21,5	36,1	1,1
Bắc Mỹ	9,1	1,6	71,8	0,6
Nga và các nước CIS khác + Ukraine	6,7	-4,9	55,1	-5,1
Nam Mỹ	3,6	-5	27,5	-2
Tổng 70 quốc gia	145,3	0,3	1.230,60	-1,7

(70 quốc gia chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới)

Nguồn: Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel)

Dữ liệu trên cho thấy sản lượng thép thô của Trung Quốc vẫn rất lớn. Lượng thép xuất khẩu của Trung Quốc cũng duy trì ở mức cao, 8 tháng đầu năm 2025 tăng 10% so với cùng kỳ 8 tháng đầu năm trước. Điều này sẽ tiếp tục là áp lực đối với thị trường thép toàn cầu, cản trở sự phục hồi giá thép thế giới.

b) Thị trường EU:

Các nhà sản xuất thép châu Âu hiện gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh với thép nhập khẩu giá thấp, đồng thời phải chịu chi phí năng lượng cao và các quy định môi trường khiến chi phí sản xuất tăng so với một số đối thủ quốc tế.

Để bảo vệ ngành thép nội địa EU, Ủy ban Châu Âu (EC) đã khởi xướng một cuộc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cán nguội - sản phẩm

đầu vào công nghiệp quan trọng được sử dụng trong ngành sản xuất ô tô, sản xuất thiết bị gia dụng và xây dựng - nhập khẩu từ năm nước gồm Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam.

Trong khi đó, áp lực cạnh tranh từ các nguồn cung ứng khác ở mức cao, khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ chững lại và tồn kho tại Trung Quốc gia tăng.

2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam

Xuất khẩu sang EU - thị trường xuất khẩu chủ lực của thép cuộn cán nóng (HRC) Ấn Độ - giảm sâu cùng việc nhu cầu trong nước của Ấn Độ yếu làm gia tăng áp lực dư cung khiến Ấn Độ thay đổi chiến lược xuất khẩu thép mở rộng sang các thị trường khác, trong đó có Việt Nam sau 10 tháng. Ấn Độ có ưu điểm là giao hàng sớm và mức giá cạnh tranh thấp hơn hàng nội địa cùng lợi thế về chi phí vận chuyển khi xuất khẩu sang Việt Nam. Theo đó, có khả năng thép Ấn Độ sẽ trở lại thị trường Việt Nam với khối lượng không nhỏ. Điều này sẽ ảnh hưởng đến thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu thép của Việt Nam sang các thị trường.

Sắt thép là ngành nhạy cảm ở EU — nếu khối lượng xuất khẩu từ Việt Nam tăng nhanh có thể dẫn đến rủi ro bị kiểm soát/áp thuế khắc nghiệt vượt ngoài những hỗ trợ thuận lợi của EVFTA.

Sắt thép cũng là ngành phát thải cao. Nếu doanh nghiệp Việt Nam không có dữ liệu, chứng nhận phát thải hoặc không “xanh hóa” sản xuất, chi phí CBAM có làm giảm lợi thế giá dù thuế nhập khẩu giảm.

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Dự báo xu hướng

Trong thời gian tới, xuất khẩu thép sang EU dự báo sẽ chịu tác động bởi các xu hướng chính sách và tiêu thụ mới, trong đó có Kế hoạch hành động về thép và kim loại (gọi tắt là "Kế hoạch hành động"). Theo Ủy ban châu Âu, Kế hoạch hành động này "thực hiện các biện pháp để duy trì và mở rộng năng lực công nghiệp của châu Âu trong các lĩnh vực thép và kim loại" và được thiết kế nhằm "tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành và bảo vệ tương lai của ngành".

Kế hoạch hành động được xây dựng dựa trên sáu trụ cột riêng biệt, trong đó Ủy ban vạch ra một loạt các hành động cụ thể mà họ dự định thực hiện trong những tháng tới để hỗ trợ các ngành thép và kim loại. Các trụ cột này bao gồm:

- Đảm bảo năng lượng sạch dồi dào và giá cả phải chăng
- Ngăn ngừa rò rỉ carbon
- Thúc đẩy và bảo vệ năng lực công nghiệp của châu Âu
- Thúc đẩy tính tuần hoàn cho kim loại
- Bảo vệ việc làm chất lượng cao trong các ngành công nghiệp

Đặc biệt, xu hướng thị trường định hình bởi Kế hoạch Hành động này cho thấy những rào cản phi thuế quan sẽ gia tăng. Đồng thời Kế hoạch hành động có một cấu phần rõ ràng về "phòng vệ", với một số biện pháp chủ chốt có khả năng thu hút sự quan tâm đặc biệt của các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm thép và kim loại sang EU. Những biện pháp mới có thể ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu thép của Việt Nam trong thời gian tới.

Thắt chặt ngay lập tức biện pháp tự vệ thép hiện tại của EU: Ủy ban đề xuất một số điều chỉnh nhằm giảm 15% lượng nhập khẩu các sản phẩm thép đang thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tự vệ. Các thay đổi bao gồm giảm tỷ lệ tự do hóa từ 1% hiện tại xuống 0,1%, loại bỏ cơ chế chuyển tiếp và hạn chế tiếp cận khối lượng hạn ngạch còn lại cho các quốc gia có hạn ngạch cụ thể. Các thay đổi này dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2025.

Thay thế biện pháp tự vệ thép của EU bằng biện pháp dài hạn hơn: Khi biện pháp hiện tại hết hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, EU có kế hoạch áp dụng một biện pháp "dài hạn" mới từ ngày 1 tháng 7 năm 2026. Theo Ủy ban châu Âu, việc áp dụng biện pháp dài hạn mới này là hợp lý trong bối cảnh đặc biệt hiện tại khi năng lực sản xuất toàn cầu đang dư thừa kết hợp với việc một số quốc gia đang áp dụng các biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường. Biện pháp này sẽ cân nhắc đến những thay đổi trong nhu cầu tại thị trường châu Âu cũng như các yếu tố về an ninh và ổn định trong khi tiếp tục duy trì một mức độ mở cửa nhất định của thị trường. Tại thời điểm hiện tại, Ủy ban châu Âu chưa cung cấp thông tin chi tiết về tính chất hoặc hình thức của biện pháp mới nhưng các thông tin này dự kiến sẽ được đưa ra chậm nhất là vào Quý 3 năm 2025.

Điều tra phòng vệ thương mại đối với ngành nhôm: Ủy ban cũng lưu ý đến tình hình suy giảm trong ngành nhôm và tuyên bố ý định sẽ khởi động một cuộc điều tra để xem xét khả năng áp dụng một biện pháp tự vệ tương tự như thép đối với nhôm. Mặc dù Ủy ban chưa đưa ra một lịch trình cụ thể về cuộc điều tra, họ xác nhận rằng Ủy ban đang tiến hành thu thập bằng chứng. Vì vậy, dự kiến Ủy ban sẽ có những hành động tiếp theo trong các tháng tới.

Quy tắc xuất xứ "nấu chảy và đúc" cho kim loại: Nhằm ngăn chặn hành vi lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại của EU (chẳng hạn như thông qua việc chuyển công đoạn sản xuất cuối cùng sang các nước thứ ba không nằm trong phạm vi áp dụng của biện pháp), Ủy ban đang xem xét việc điều chỉnh cơ chế phòng vệ thương mại thông qua việc đưa ra quy tắc “nấu chảy và đúc”. Quy tắc này sẽ cho phép Ủy ban thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại đối với quốc gia nơi kim loại được nấu chảy ban đầu, bất kể các công đoạn chế biến tiếp theo và nguồn gốc của hàng hóa được xác định theo các quy tắc xuất xứ không ưu đãi truyền thống. Theo Ủy ban, "việc áp dụng quy tắc này sẽ loại bỏ khả năng thay đổi xuất xứ của sản phẩm kim loại thông qua các công đoạn chế biến tối thiểu và cung cấp sự chắc chắn hơn trong việc truy xuất nguồn gốc của sản phẩm". Tuy nhiên, Ủy ban vẫn chưa đưa ra bất kỳ thông tin cụ thể nào về thời gian dự kiến để triển khai biện pháp này.

2. Một số khuyến nghị

Nguồn cung sắt thép từ Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ (và nội khối EU) tạo ra sự cạnh tranh mạnh về cả giá và khối lượng trên thị trường sắt thép EU. Hiệp định EVFTA mang lại các ưu đãi phần thuế, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần cải thiện năng lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm thấp hay chi phí logistics cao. Nếu tổng chi phí (vận tải + CBAM + kiểm định) cao thì lợi thế về thuế có thể cũng không bù đắp được.

Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý:

+ Hỗ trợ doanh nghiệp về RoO và CBAM: hướng dẫn, mẫu hồ sơ, tập huấn kỹ thuật đo phát thải, hỗ trợ thử nghiệm/chuẩn hoá ;

+ Khuyến khích đầu tư công nghệ “xanh”: ưu đãi tín dụng/thuế cho nâng cấp lò nung, xử lý khí thải, tái chế sắt thép;

+ Đàm phán thương mại và bảo hộ lợi ích doanh nghiệp: theo dõi chính sách EU, yêu cầu phân bổ quota hợp lý hoặc hợp tác song phương về tiêu chuẩn carbon;

Khuyến nghị đối với các doanh nghiệp:

+ Chuẩn hoá hồ sơ RoO: thiết lập quy trình lưu trữ chứng từ nguyên liệu, gia công, hóa đơn để được hưởng ưu đãi EVFTA;

+ Chuẩn bị dữ liệu & báo cáo phát thải: đo đạc và ghi nhận chỉ số carbon tại nhà máy (phạm vi scope 1/2), chuẩn bị hệ thống để đáp ứng CBAM; Đầu tư giảm phát thải và năng suất, cải tiến công nghệ (lò, tái chế phế liệu), tối ưu nhiên liệu, để giảm chi phí CBAM & tăng sức cạnh tranh;

+ Nâng cao chất lượng, dịch vụ sau bán hàng: cung cấp chứng nhận chất lượng (ISO, thử nghiệm), bảo hành, logistic door-to-door để thu hút khách hàng;

+ Tận dụng các chính sách bảo hộ từ Chính phủ để thúc đẩy tăng trưởng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.steelorbis.com>
2. <https://thitruongthep.com>
3. <https://worldsteel.org>
4. <https://www.marketsandmarkets.com/>
5. <https://www.fastmarkets.com>
6. <https://www.customs.gov.vn/>
7. <https://www.trademap.org/>
8. <https://trungtamwto.vn/>

Cán bộ theo dõi

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Đặng Thanh Hằng